

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC QUÂN KHU 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST

Ngày 28 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Nguyễn Bá Hùng.

Các Hội thẩm quân nhân:

1// Đào Quốc Trọng;

1// Nguyễn Đức Luận.

- Thư ký phiên tòa: 2/ Phạm Minh Thắng, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 21 tham gia phiên tòa: 4/ Bùi Thị Lệ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Cao Xuân K, sinh ngày 25 tháng 3 năm 1993 tại xã S, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: X, huyện S, thành phố Hà Nội; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 1/ QNCN, nhân viên Ban TM - e68; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Xuân L và bà Lê Thị V; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hoặc xử lý kỷ luật; bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được tại ngoại; bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn: Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/4/2021 đến ngày 11/6/2021; cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/4/2021; có mặt.

2. Nguyễn Văn N, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1993 tại xã S1, huyện B, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thị trấn G, huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 2/ QNCN, Nhân viên Phòng HC - Trường TCKT; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị N1 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hoặc xử lý kỷ luật; bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được tại ngoại; bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn: Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/4/2021 đến ngày 11/6/2021; cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/4/2021; có mặt.

3. Tạ Văn B, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1981 tại huyện U, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện U, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn B1 và bà Nguyễn Thị T2; có vợ là Nguyễn Thị T3 và 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hoặc xử lý kỷ luật; bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được tại ngoại; bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn: Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/4/2021 đến ngày 11/6/2021; cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/4/2021; có mặt.

4. Đinh Văn C, sinh ngày 04 tháng 6 năm 1975 tại thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn H và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Thị T4 và 02 con (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hoặc xử lý kỷ luật; bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được tại ngoại; bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn: Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/4/2021 đến ngày 11/6/2021; cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/4/2021; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Tạ Văn H; có mặt;
2. Chị Nguyễn Thị N1; vắng mặt;
3. Chị Nguyễn Thị T4; có mặt;
4. Chị Hà Thị Hương L1; có mặt;
5. Chị Bùi Thị Hồng L2; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 07/4/2021, Cao Xuân K, Bùi Thị Hồng L2, Tạ Văn B, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị N1, Đinh Văn C, Nguyễn Thị T4, Tạ Văn H và Hà Thị Hương L1 cùng tổ chức ăn uống tại quán vịt cỏ TB (số 90, đường N, tổ 3, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc). Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, trong quá trình ngồi uống nước sau khi ăn uống xong, K rủ mọi người đánh “Phỏm” được thua bằng tiền. Khi mọi người đồng ý, K đã đi mua 02 bộ bài Tú lơ khơ, mỗi bộ 52 quân. Khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi K mua bài về thì 08 người (anh H không tham gia) chia làm hai chiều để đánh bạc.

Chiều thứ nhất gồm có: K, N, B và C. Các đối tượng đánh bạc với hình thức chơi như sau: Người chơi dùng một bộ bài Tú lơ khơ 52 lá bài, mỗi người sẽ được chia 09 lá, riêng người chia bài được 10 lá, các lá còn lại được xếp chồng để giữa chiều cho mọi người lần lượt bốc gọi là bài nọc. Người có 10 lá đánh đầu tiên và đánh cho người kế bên phải 01 lá, người kế bên có thể “ăn” để tạo “Phỏm” (là phải có từ 03 lá trở lên cùng chất liên tiếp nhau hoặc cùng số, cũng chữ với nhau) hoặc bốc một lá từ bài nọc sau đó đánh ra cho người kế tiếp

bên phải. Cứ như thế cho đến khi hết ván. Ván bài kết thúc khi có người “Ù” (là khi tất cả 09 lá bài đều tạo thành “Phỏm”). Người “Ù” sẽ thu tiền của những người còn lại mỗi người 60.000 đồng. Nếu người chơi không có “Phỏm” (được gọi là bài “Móm” hoặc “Cháy”) thì trả người về nhất 50.000 đồng; nếu ăn cây “Chốt” tức là ăn bài của người chơi trước lượt đánh cuối thì sẽ được thu của người bị ăn cây “Chốt” 50.000 đồng. Nếu không có ai “Ù” thì hạ “Phỏm” và tính điểm với nhau. Điểm được tính từ 02 đến 10 tương ứng với số trên lá bài; tính 01 điểm, 11 điểm, 12 điểm, 13 điểm tương ứng với lá bài có chữ A, J, Q, K. Ai có số điểm ít nhất là người thắng và được người về nhì (người ít điểm thứ 2), về ba (người ít điểm thứ 3), về bét (người nhiều điểm nhất) trả số tiền tương ứng là 20.000 đồng, 30.000 đồng, 40.000 đồng.

Chiếu thứ hai gồm có: L1, N1, L2 và T4 cũng chơi với hình thức đánh “Phỏm”, cách thức chơi tương tự như những người ở chiếu thứ nhất, chỉ khác về luật chơi “chéo cánh” (hai người ngồi đối diện sẽ không lấy tiền của nhau khi về nhất hoặc “Ù”) và mức cược: bị “Ù”, bị ăn “Chốt”, “Móm” hoặc “Cháy” phải trả 20.000 đồng; hai người cùng cánh không có người về nhất thì so điểm với nhau, ai ít điểm hơn thì phải trả cho người nhất 10.000 đồng, cao điểm hơn phải trả cho người nhất 20.000 đồng. Quá trình chơi, khoảng 00 giờ 30 phút ngày 08/4/2021, khi N1 bị đau bụng và đi uống thuốc thì H vào chơi thay.

Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 08/4/2021 thì bị tổ công tác của Công an thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang và thu giữ: Tại vị trí ngồi của N 200.000 đồng, của K 70.000 đồng, của C 860.000 đồng, của B 590.000 đồng; trên người của N 8.500.000 đồng, của K 800.000 đồng, của C 3.000.000 đồng, của B 4.400.000 đồng. Thu giữ của N1 2.800.000 đồng, của H 50.000 đồng, của L2 290.000 đồng, của T4 30.000 đồng và của L1 50.000 đồng.

Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang do cơ quan Công an thành phố Phúc Yên lập ngày 08/4/2021 thể hiện:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 08/4/2021, tổ công tác Công an thành phố Phúc Yên bắt quả tang 02 nhóm đối tượng đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi “Phỏm” ăn tiền tại quán vịt cỏ TB (địa chỉ: Số nhà 90, đường N, tổ 3, phường X, thành phố P).

Tại chiếu bạc thứ nhất gồm: K, N, B, C. Tang vật thu giữ gồm 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 18.420.000 đồng, 01 chiếu nhựa đã qua sử dụng.

Tại chiếu bạc thứ hai gồm: H, N1, L1, L2, T4. Tang vật thu giữ gồm 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 3.220.000 đồng, 01 chiếu nhựa đã qua sử dụng.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường (dựng lại) do Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1 - Tổng cục Kỹ thuật lập ngày 25/5/2021 thể hiện:

Hiện trường của vụ đánh bạc xảy ra ngày 08/4/2021 tại quán vịt cỏ TB, có địa chỉ: Số nhà 90, đường N, tổ 3, phường X, thành phố P.

Chiếu đánh bạc thứ nhất: K ngồi hướng ra cửa quán, bên phải K là N, bên phải N là B ngồi, quay lưng ra cửa quán, bên phải B là C.

Chiếu đánh bạc thứ hai: N1 quay lưng ra cửa, bên phải N1 là L2, bên phải L2 là L1 ngồi quay mặt ra cửa, bên phải L2 là T4. Khi đánh thay thì H ngồi vị trí của N1.

Lời khai của các bị cáo và những người làm chứng L1, T4, L2, H tại phiên tòa và của người làm chứng N1 tại cơ quan điều tra đều có nội dung:

Sau khi tổ chức ăn uống xong và đang ngồi uống nước, khoảng 22 giờ 30 phút ngày 07/4/2021, K có rủ mọi người chơi bài bằng hình thức đánh “Phỏm” ăn tiền. Khi mọi người đồng ý, K đi mua 02 bộ bài Tú lơ khơ. Khi K mua bài về thì mọi người tự chia ra làm 02 chiếu ngồi chơi bài. Chiếu thứ nhất gồm có: K, N, C và B; chiếu thứ hai gồm có L1, L2, N1 và T4, sau đó N1 đau bụng thì H vào chơi thay. Mục đích dùng tiền thu được để hôm sau mọi người liên hoan.

Ngoài ra, các bị cáo đều khai nhận số tiền các bị cáo mang theo người được sử dụng vào việc đánh bạc. Cụ thể về số tiền được sử dụng vào việc đánh bạc và bị thu giữ như sau:

Bị cáo K khai nhận: Bị cáo mang theo số tiền 2.120.000 đồng, bị thu giữ dưới chiếu 70.000 đồng, trên người 800.000 đồng. Bị cáo rủ mọi người đánh bạc là để thỏa mãn việc đánh bạc của mình.

Bị cáo N khai nhận: Bị cáo mang theo số tiền 8.700.000 đồng, bị thu giữ dưới chiếu 200.000 đồng, trên người 8.500.000 đồng.

Bị cáo B khai nhận: Bị cáo mang theo số tiền 4.600.000 đồng, bị thu giữ dưới chiếu 590.000 đồng, trên người 4.400.000 đồng.

Bị cáo C khai nhận: Bị cáo mang theo số tiền 3.000.000 đồng, bị thu giữ dưới chiếu 860.000 đồng, trên người 3.000.000 đồng.

Những người làm chứng đều khai nhận, khi bị bắt quả tang, những người làm chứng bị thu giữ số tiền được sử dụng vào việc đánh bạc là 3.220.000 đồng.

Tại các biên bản kiểm tra điện thoại của N1, B, L1, H, N do cơ quan ĐTHS Khu vực 1 - Tổng cục Kỹ thuật lập ngày 26/5/2021 có nội dung: Kiểm tra nội dung tin nhắn trong thẻ sim, Zalo, Messenger xác định không có nội dung liên quan đến việc N1, B, L1, H, N trao đổi với đối tượng khác về việc đánh bạc.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 30 tháng 6 năm 2021, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 21 truy tố các bị cáo: Cao Xuân K, Nguyễn Văn N, Tạ Văn B, Đinh Văn C về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh, điều luật như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và cho rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành; trong đó bị cáo K là người khởi xướng, đi mua bài và trực tiếp tham gia đánh bạc nên là người thực hành tích cực nhất và phải chịu trách nhiệm cao nhất; các bị cáo N, B, C cùng tham gia đánh bạc, chịu trách nhiệm như nhau và sau bị cáo K.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án; điều kiện, nguyên nhân phạm tội; nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về hình sự:

+/- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, s “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35 BLHS đối với 04 bị cáo K, N, B, C. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo N, C. Tuyên phạt:

Bị cáo K từ 33.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng;

Bị cáo B từ 28.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;

Bị cáo N và C từ 27.000.000 đồng đến 28.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng

+/- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 18.420.000 đồng;

+/- Áp dụng điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ;

+/- Áp dụng điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật TTHS, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu tiêu hủy 02 chiếc chiếu nhựa.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, các bị cáo đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều rất hối hận về hành vi vi phạm của mình, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong vụ án đều được thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của các bị cáo

Tại phiên tòa, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở nhận định:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 07/4/2021, tại quán vịt cỏ TB (có địa chỉ tại số 90, đường N, tổ 3, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc), sau khi tổ chức ăn uống xong, quá trình ngồi uống nước K rủ mọi người đánh “Phỏm” được thua bằng tiền. Khi mọi người đồng ý, K đi mua 02 bộ bài Tú lơ khơ rồi cùng N, B, C đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi “Phỏm” được thua bằng tiền từ 23 giờ 00 phút ngày 07/4/2021. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 08/4/2021 thì bị bắt quả tang; bị thu giữ tổng số tiền là 18.420.000 đồng, trong đó, thu giữ dưới chiếu 1.720.000 đồng, trên người các bị cáo 16.700.000 đồng.

Hành vi sử dụng 18.420.000 đồng để đánh bạc trái phép của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về hành vi của những người khác

Cùng thời điểm và bên cạnh chiếu bạc của các bị cáo, còn có L1, L2, T4 (vợ bị cáo C), Nguyễn Thị N1 (vợ bị cáo N), H cũng thực hiện hành vi đánh bạc trái phép với số tiền dùng để đánh bạc là 3.220.000 đồng. Do sau khi K mua bài về, những người này tự tổ chức thành chiếu bạc riêng, nhân thân đều chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc cũng như bị kết án về tội “Đánh bạc”, tội “Tổ chức đánh bạc”, tội “Gá bạc”; số tiền dùng để đánh bạc dưới 5.000.000 đồng nên hành vi của L1, L2, T4, N1, H không cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 BLHS. Cơ quan ĐTHS Khu vực 1 - Tổng cục Kỹ thuật đã chuyển toàn bộ tài liệu có liên quan cùng số tiền 3.220.000 đồng đến cơ quan Công an thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chủ quán vịt cỏ TB là chị Nguyễn Thị H1, khi các đối tượng thực hiện hành vi đánh bạc, chị H1 đã đi ngủ, không biết việc các đối tượng sử dụng quán vịt TB làm địa điểm thực hiện hành vi đánh bạc; không được hưởng lợi từ việc đánh bạc của các đối tượng. Do đó, cơ quan điều tra không đề nghị xử lý chị Nguyễn Thị H1 về tội “Đánh bạc”, “Tổ chức đánh bạc” hoặc “Gá bạc” là đúng quy định của pháp luật.

[4] Vị trí, vai trò, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn do không có sự bàn bạc từ trước, không có sự phân công vai trò; khi được bị cáo K rủ thì tất cả đều đồng ý, cùng tham gia đánh bạc nên các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành, trong đó:

Bị cáo K là người rủ các bị cáo còn lại đánh bạc để thỏa mãn việc đánh bạc của bản thân; mua bài và trực tiếp tham gia đánh bạc. Do đó, bị cáo là người thực hành tích cực nhất và phải chịu trách nhiệm cao nhất.

Các bị cáo N, B và C khi được K rủ đã đồng ý và đều tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt. Do vậy, cả 03 bị cáo N, B, C đều là người thực hành, chịu trách nhiệm như nhau và sau bị cáo K.

Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn nhưng đã xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng tới nếp

sống văn minh của xã hội nên cần thiết phải đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Xem xét nguyên nhân, điều kiện phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy:

Các bị cáo có mối quan hệ quen biết từ trước, trong đó bị cáo N và B có mối quan hệ trong gia đình nhưng vì hám lợi, sẵn có địa điểm đánh bạc do chủ nhà không có mặt để quản lý nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

Về nhân thân:

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều có nhân thân tốt; chưa từng bị xét xử hay xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật.

Không chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên cho rằng, bị cáo B chỉ có trình độ văn hóa 01/12 nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, đề nghị HĐXX xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt, vì: bị cáo B có đầy đủ năng lực TNHS; sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển; nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật; trình độ học vấn (văn hóa) 01/12 không phải là nguyên nhân, điều kiện thực hiện hành vi đánh bạc của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, cả 04 bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và tội đã phạm là ít nghiêm trọng nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm s “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, điểm i “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” khoản 1 Điều 51 BLHS.

Quá trình công tác, bị cáo N được các cơ quan, đơn vị thuộc Tổng cục K tặng 02 Giấy khen, 01 danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến; ông nội bị cáo là liệt sỹ; bố đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng 03 Huy chương; mẹ đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng 03 Huy chương. Quá trình hoạt động nghệ thuật, bị cáo C được UBND thành phố V, Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh Vĩnh Phúc khen thưởng do có nhiều tác phẩm nhiếp ảnh được trưng bày tại các Triển lãm ảnh nghệ thuật; đạt giải tại các cuộc thi ảnh nghệ thuật; ông, bà nội bị cáo được Nhà nước tặng Bằng vàng Danh dự. Do đó, bị cáo N và C được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào mục đích của hình phạt cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, HĐXX thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, tội đã phạm là ít nghiêm trọng nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại Điều 35 BLHS; đồng thời không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng

Đối với số tiền 18.420.000 đồng (hiện đang tạm giữ tại Phòng Thi hành án Quân khu 2) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên được xác định

là phương tiện phạm tội. Do đó, HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 02 bộ bài Tú lơ khơ đã được các đối tượng sử dụng để đánh bạc, trong đó 01 bộ bài do các bị cáo sử dụng được xác định là công cụ phạm tội: HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 chiếc chiếu các đối tượng ngồi lên khi đánh bạc: Đây là 02 chiếc chiếu do chủ quán vịt TB trải sẵn để phục vụ khách ăn uống nên không phải là công cụ, phương tiện phạm tội. Do 02 chiếc chiếu trên đều đã cũ, chị Nguyễn Thị H1 (chủ quán) từ chối nhận lại nên HĐXX căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy.

Đối với các vật chứng khác được thu giữ gồm: 02 xe mô tô, 01 xe ô tô, 05 chiếc điện thoại di động: Quá trình điều tra xác định các đồ vật, tài sản trên không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét xử lý lại.

[7] Về án phí

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố các bị cáo: K, N, B, C phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS đối với cả 04 bị cáo; riêng các bị cáo N, C được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt:

- Bị cáo K 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng;
- Bị cáo B 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng;
- Bị cáo N 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng;
- Bị cáo C 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 18.420.000 (mười tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn) đồng (hiện đang tạm giữ tại Phòng Thi hành án Quân khu 2 theo Biên lai thu tiền ngày 11/6/2021).

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài Tú lơ khơ (có đặc điểm như Biên bản giao nhận hồ sơ vụ án ngày 01/7/2021).

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 02 chiếc chiếu (có đặc điểm như Biên bản giao nhận hồ sơ vụ án ngày 01/7/2021).

3. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, các bị cáo K, N, B, C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/10/2021), các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 2./.

Nơi nhận:

- TAQSTW;
- TAQSQK2;
- VKSQSQK2;
- VKSQSKV21;
- CQĐTHSKV1 - TCKT;
- Phòng THAQK2;
- Bị cáo (04);
- Lưu: THAHS, HSVA; H12.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

4/ Nguyễn Bá Hùng